

Bản án số: 980/2017/HNGĐ-ST

Ngày : 22 - 8 - 2017

V/v Tranh chấp Ly hôn giữa bà

Nguyễn T. V và ông Thái K.Q..

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thu Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính

2. Ông Đinh Chí Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngon – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2017, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn T. V, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh S

Địa chỉ liên lạc: đường L, Phường T, Quận S, TP. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Thái K.Q., sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường B, Phường M, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2017, bản khai ngày 05/5/2017, biên bản hòa giải ngày 17/5/2017, biên bản hòa giải ngày 15/6/2017 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn T. V trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn T. V và ông Thái K.Q. chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 25/3/2008. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do Ông Q. nhậu nhẹt, cờ bạc, chơi ma túy hàng đá, về đánh đập vợ nhiều lần. Ông Q.

không có trách nhiệm với gia đình, ông không có nghề nghiệp ổn định, một mình bà đi làm thợ hót tóc để kiếm tiền nuôi gia đình. Vì không chịu nổi tính tình của Ông Q. nên bà đã dọn ra ở riêng từ tháng 07/2015. Do mâu thuẫn kéo dài không hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục nên bà Nguyễn T. V yêu cầu được ly hôn với ông Thái K.Q..

Về con chung: Bà Nguyễn T. V và ông Thái K.Q. có 02 con chung là Thái K. Q1, sinh ngày 10/02/2009 và Thái K. B., sinh ngày 11/4/2014. Bà V. đồng ý giao con tên Thái K. Q1 cho Ông Q. trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con tên Thái K. B., mỗi người nuôi dưỡng một đứa con, bà V. không yêu cầu Ông Q. cấp dưỡng nuôi con.

Bà V. đã cung cấp cho Tòa án các chứng cứ chứng minh rằng mình có đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn T. V xác định không có tài sản chung và không có nợ chung.

Tại bản khai đề ngày 17/5/2017, bị đơn ông Thái K.Q. xác nhận lời trình bày của bà V. về quan hệ hôn nhân và về con chung là đúng. Tuy nhiên, về mâu thuẫn gia đình Ông Q. cho rằng là do vấn đề tài chính nên vợ chồng hết tình cảm với nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn gia đình cũng đã thật sự trầm trọng do đó ông đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà V..

Về con chung: Ông Q. yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung nhưng không cung cấp cho Tòa án các chứng cứ chứng minh rằng mình có đủ điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng hai con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q. xác định không có tài sản chung và không có nợ chung.

Trong quá trình Tòa án tiến hành thủ tục tố tụng Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Bị đơn Ông Q. có mặt tham gia nhưng không đồng ý ký biên bản mà tự ý bỏ về. Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng Ông Q. vẫn vắng mặt không đến tòa trình bày yêu cầu.

Ngày 31/7/2017 nguyên đơn bà Nguyễn T. V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng, bị đơn chấp hành không đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung đề nghị: Giao con chung tên Thái K. Q1 cho Ông Q. trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Thái K. B. cho bà V. trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn T. V thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn ông Thái K.Q. cư trú tại Quận 8 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét, nguyên đơn bà Nguyễn T. V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn Thái K.Q. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà V., Ông Q. đúng qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

Về hôn nhân: Xét thấy bà Nguyễn T. V và ông Thái K.Q. chung sống năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01/2008 ngày 25/3/2008 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà Nguyễn T. V yêu cầu ly hôn với ông Thái K.Q. vì Ông Q. không quan tâm chăm sóc gia đình, cờ bạc, nhậu nhẹt, sử dụng ma túy hàng ngày, về hay đánh đập vợ. Bà V. đã dọn ra ở riêng từ tháng 07/2015. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không có hạnh phúc. Riêng, Ông Q. cho rằng vợ chồng hết tình cảm với nhau nên bà V. xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn. Do vậy, nhận thấy quan hệ hôn nhân của bà V. và Ông Q. lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Bà Nguyễn T. V và ông Thái K.Q. có 02 con chung là Thái Kim Quân sinh ngày 10/02/2009 và Thái Kim Bảo sinh ngày 11/4/2014.

Hiện nay, Ông Q. đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thái K. Q1, bà V. trực tiếp nuôi dưỡng con chung Thái K. B..

Về các điều kiện đảm bảo cho việc nuôi con chung giữa bà V. và Ông Q.: xét chứng cứ do bà V. cung cấp, nhận thấy bà V. có việc làm ổn định, nghề nghiệp thợ làm tóc, thu nhập đủ để bảo đảm các chi phí phát sinh khi nuôi con, bà có điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Bà V. đồng ý giao con tên Thái K. Q1 cho Ông Q. tiếp tục nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của con Thái K. Q1 là thích được chung sống với Ông Q., bà V. xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Thái Kim Bảo. Riêng đối với Ông Q.: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà V. cấp dưỡng nuôi con nhưng không cung cấp cho Tòa chứng cứ để chứng minh điều kiện đảm bảo cho việc nuôi hai con của mình.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà V. đồng ý giao con tên Thái Kim Quân cho Ông Q. tiếp tục nuôi dưỡng, bà V. tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Thái

Kim Bảo, mỗi người nuôi một đứa con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, là hợp lý, bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung, yêu cầu của bà V. là có cơ sở để chấp nhận vì phù hợp Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do bà V., Ông Q. không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với Ông Q., bà V. đến khi có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà V. và Ông Q. xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn T. V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn T. V được ly hôn với ông Thái K.Q. (Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2008).

2. Về con chung: Bà Nguyễn T. V và ông Thái K.Q. có 02 con chung là Thái K. Q1 sinh ngày 10/02/2009 và Thái K. B. sinh ngày 11/4/2014. Giao con chung Thái K. Q1 cho ông Thái K.Q. trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Thái K. B. cho bà Nguyễn T. V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà V., Ông Q. đến khi các bên có yêu cầu.

Bà V., Ông Q. có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được quyền cản trở. Nhưng bà V., Ông Q. không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà V. và Ông Q. xác nhận không có nên Tòa không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn T. V phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0026800 ngày 01/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V. đã thi hành xong phần án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường 14, Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Trần Thị Thu Hiệp